

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí (đồng)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ							
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		3.000.000đ	X	-Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 298/2016/TT-BKHCN ngày 15/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		1.000.000đ	X	<p>-Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/201; Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 298/2016/TT-BKHCN ngày 15/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ</p>
3.	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi tên: 1.000.000đ. - Thay đổi địa chỉ trụ sở: 1.500.000đ - Thay đổi vốn của tổ chức: 1.500.000đ. - Thay đổi người đứng đầu: 1.000.000đ. - Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động: 2.000.000đ 	X	<p>- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/201 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 298/2016/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 15/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>

4.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		3.000.000đ	X	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 298/2016/TT-BKHCN ngày 15/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
5.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		1.000.000đ	X	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 298/2016/TT-BKHCN ngày 15/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

6.	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi tên: 1.000.000đ. - Thay đổi địa chỉ trụ sở: 1.500.000đ - Thay đổi người đứng đầu: 1.000.000đ. - Thay đổi thông tin trên giấy: 1.000.000đ - Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động: 2.000.000đ 	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 298/2016/TT-BKHCN ngày 15/11/2016.
7.	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; -Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ.
8.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; -Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ.
9.	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến.	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; -Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ.

10.	Thủ tục hỗ trợ phát triển trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<p>-Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; -Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ; -Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
11.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<p>-Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; -Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; -Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018; -Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>

12.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018; -Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014; -Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017.
13.	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13; -Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; -Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

14.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Tính theo tỉ lệ 0,1% (phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng. Tối đa không quá 10 triệu, tối thiểu không dưới 5 triệu.	X	-Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; -Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018; -Thông tư số 169/2016/TT-BKHCN ngày 26/10/2016.
15.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Tính theo tỉ lệ 0,1% (phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng. Tối đa không quá 5 triệu, tối thiểu không dưới 3 triệu.	X	-Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; -Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ; -Thông tư số 169/2016/TT-BKHCN ngày 26/10/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
16.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ.
17.	Thủ tục thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ.

18.	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
19.	Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

20.	Thủ tục Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
21.	Thủ tục Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013. -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

22.	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<p>-Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05 /7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ.</p>
23.	Thủ tục xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II)	<p>- Thẩm định: 20 ngày làm việc</p> <p>- Quyết định công nhận kết quả: 15 ngày làm việc khi có kết quả thẩm định</p> <p>- Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét có ý kiến trả lời: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của UBND tỉnh</p> <p>- Chủ tịch UBND tỉnh xem xét ra quyết định: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của Bộ KH&CN.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<p>-Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;</p> <p>-Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKH&CN-BNV-BTC ngày 06/11/2015 của Bộ KH&CN, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.</p>

24.	Thủ tục xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III)	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định công nhận xét tuyển dụng đặc cách viên chức: 20 ngày làm việc - Quyết định công nhận xét tuyển dụng đặc cách viên chức và bổ nhiệm vào hạng chức danh: 20 ngày làm việc - Quyết định công nhận xét tuyển dụng đặc cách viên chức và bổ nhiệm vào hạng chức danh: 20 ngày làm việc 	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; -Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ; -Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKH-CN-BNV-BTC ngày 06/11/2015 Bộ KH-CN, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.
25.	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; -Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ -Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKH-CN-BNV-BTC ngày 06/11/2015 Bộ KH-CN, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

26.	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; -Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.
27.	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

28.	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; -Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình
29.	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KHCN	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06/4/2016; -Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2019 của Chính phủ; -Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

II. Lĩnh vực An toàn bức xạ và Hạt nhân

30.	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ	+ Thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị	X	-Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; -Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
-----	--	--	--------------------------	--	---	--

					<ul style="list-style-type: none"> + Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị + Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính: 8.000.000 đồng/1 thiết bị + Hệ thiết bị PET/CT: 16.00.000 đồng/1 thiết bị - Lệ phí cấp giấy phép: Không 		
31.	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định cấp giấy phép: 75% mức thu phí thẩm định cấp giấy phép mới - Lệ phí cấp phép: Không 	X	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.

32.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính
33.	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính
34.	Thủ tục cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		200.000đ/ 1 chứng chỉ	X	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính

35.	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		500.000 đồng/1 bản kế hoạch	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12; -Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính; -Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
36.	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chuẩn đoán trong y tế	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Năng lượng Nguyên tử ngày 03/6/2008; -Nghị định 07/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010; -Thông tư 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

III. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ

37.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		250.000 đồng	X	<ul style="list-style-type: none">- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005;- Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009;-Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ;-Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ;- Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ;-Thông tư số 04/2008/TT-BKHCN ngày 27/3/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ;-Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ;-Thông tư số 04/2012/TT-BKHCN ngày 13/02/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ;-Thông tư số 263/2008/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ;
-----	---	--	--------------------------	--	--------------	---	--

38.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 04/2008/TT-BKHCN ngày 27/3/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 04/2012/TT-BKHCN ngày 13/02/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 263/2008/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ;
39.	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	<ul style="list-style-type: none"> -Thành lập hội đồng tuyển chọn 15 ngày làm việc - Thẩm định dự toán kinh phí 07 ngày làm việc - Phê duyệt kết quả tuyển chọn 05 ngày làm việc - Công bố kết quả tuyển chọn 05 ngày làm việc 	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017

							của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
40.	Thủ tục đề nghị thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	-15 ngày làm việc -Thay đổi điều chỉnh khác 30 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	-Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 03/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
41.	Thủ tục đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	-Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; -Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; -Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017

							<p>của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>-Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 03/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>-Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
42.	<p>Thủ tục đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)</p>	<p>- Thông báo tính hợp lệ hồ sơ 03 ngày làm việc</p> <p>- Bổ sung hồ sơ chưa hợp lệ 05 ngày làm việc</p> <p>- Thành lập hội đồng 15 ngày làm việc</p> <p>- Hội đồng 30 ngày làm việc</p> <p>- Xem xét ban hành quyết định 05 ngày làm việc</p>	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<p>-Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;</p> <p>-Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>-Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 03/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>-Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>

IV. Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

43.	Thủ tục cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ôxít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ - Trường hợp khác 32 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ		Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	X	-Luật hóa chất ngày 21/11/2007; -Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; -Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của Chính phủ; -Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ; -Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ; -Thông tư số 09/2016/TT-BKH ngày 09/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 09/2018/TT-BKH ngày 01/7/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
-----	--	--	--------------------------	--	--	---	--

44.	Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	<ul style="list-style-type: none"> - 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ - Trường hợp khác 32 ngày làm việc 	Sở Khoa học và Công nghệ		Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	v	<ul style="list-style-type: none"> -Luật hóa chất ngày 21/11/2007; -Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; -Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của Chính phủ; -Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ; -Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ; -Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ; -Thông tư số 09/2016/TT-BKH ngày 09/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 09/2018/TT-BKH ngày 01/7/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
-----	---	--	--------------------------	--	--	---	--

45.	<p>Thủ tục cấp lại giấy phép vận chuyên hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p>	<p>- 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ - Trường hợp khác 32 ngày làm việc</p>	Sở Khoa học và Công nghệ		Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	X	<p>-Luật hóa chất ngày 21/11/2007; -Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; -Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của Chính phủ; -Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ; -Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ; -Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2016/TT-BKH ngày 09/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 09/2018/TT-BKH ngày 01/7/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
-----	---	--	--------------------------	--	--	---	--

46.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		150.000 đồng	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; -Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn, kỹ thuật số 68/2006/QH11; -Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; -Thông tư số 28/2012/TT-BKH ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 02/2017/TT-BKH ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 183/2016/TT-BKH ngày 08/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
-----	--	--	--------------------------	--	--------------	---	--

47.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		150.000 đồng	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; -Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn, kỹ thuật số 68/2006/QH11; -Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; -Thông tư số 28/2012/TT-BKH ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 02/2017/TT-BKH ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 183/2016/TT-BKH ngày 08/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
-----	--	--	--------------------------	--	--------------	---	--

48.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		150.000 đồng	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; -Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn, kỹ thuật số 68/2006/QH11; -Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; -Thông tư số 28/2012/TT-BKH ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 02/2017/TT-BKH ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 183/2016/TT-BKH ngày 08/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
-----	--	--	--------------------------	--	--------------	---	--

49.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		150.000 đồng	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; -Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn, kỹ thuật số 68/2006/QH11; -Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; -Thông tư số 28/2012/TT-BKH ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 02/2017/TT-BKH ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Thông tư số 183/2016/TT-BKH ngày 08/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
-----	--	--	--------------------------	--	--------------	---	--

50.	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<p>-Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12;</p> <p>-Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 28/2012/TT-BKH ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 07/2017/TT-BKH ngày 16/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>-Thông tư số 183/2016/TT-BKH ngày 08/11/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p>
-----	---	--	--------------------------	--	-------	---	--

51.	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<p>-Luật Đo lường ngày 11/11/2011;</p> <p>-Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
52.	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<p>-Luật Đo lường ngày 11/11/2011;</p> <p>-Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>

53.	Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Đo lường ngày 11/11/2011; -Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ; -Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
54.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007; -Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; -Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; -Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

55.	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ - Trường hợp khác 25 ngày làm việc 	Sở Khoa học và Công nghệ		Theo quy định hiện hành về phí, lệ phí	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn, kỹ thuật số 68/2006/QH11; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; -Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.
56.	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ - Trường hợp khác 25 ngày làm việc 	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn, kỹ thuật số 68/2006/QH11; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; -Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

57.	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	<ul style="list-style-type: none"> - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ - Trường hợp khác 25 ngày làm việc 	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn, kỹ thuật số 68/2006/QH11; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; -Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.
58.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Trong ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn, kỹ thuật số 68/2006/QH11; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; -Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; -Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

59.	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	-Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; -Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.
60.	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ		Không	X	-Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; -Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; -Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ;